

CÁCH BIÊN TẬP TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA VIỆT NAM

(từ trường hợp *Từ điển bách khoa Việt Nam* 4 tập)

Đỗ Thị Lượng*

1. Từ điển bách khoa là một loại ấn phẩm đặc biệt giới thiệu tri thức của các ngành văn hoá, khoa học kỹ thuật dựa vào các công trình đã được nghiên cứu, tổng kết đánh giá. Đây là loại từ điển phản ánh trình độ phát triển văn hoá, khoa học của dân tộc và thế giới trong từng thời kỳ lịch sử. Nó được xem là loại sách có tác dụng nâng cao trình độ văn hoá, khoa học kỹ thuật cho mọi người.

Từ điển bách khoa Việt Nam đã được biên soạn lần đầu tiên ở Việt Nam (xuất bản các năm 1995, 2002, 2003, 2004) là bộ từ điển bách khoa tổng hợp nhiều chuyên ngành, cỡ trung bình, có tính chất thông dụng. Nó có mục đích giới thiệu những tri thức cơ bản nhất về con người, lịch sử xã hội, văn hoá, khoa học, công nghệ Việt Nam xưa và nay đồng thời giới thiệu những tri thức văn hoá khoa học của thế giới. Bộ *Từ điển bách khoa Việt Nam* này gồm 4 tập, bao gồm khoảng 4 vạn mục từ thuộc 40 chuyên ngành văn hoá, khoa học, kỹ thuật của Việt Nam và thế giới. Mỗi tập khoảng trên dưới một vạn mục từ.

Mục đích của bài viết này là để tổng kết các giải pháp biên tập *Từ điển bách khoa Việt Nam* 4 tập, góp phần vào việc tổng kết lý luận, làm cơ sở cho việc hoạt động biên tập từ điển bách khoa và làm tư liệu tham khảo để biên soạn, biên tập các loại từ điển bách khoa sau này.

2. Việc biên tập bộ *Từ điển bách khoa Việt Nam* trên thực tế không đơn giản, phải trải ra nhiều công đoạn khác nhau. Sau đây là những công đoạn biên tập chính:

- Biên tập liên ngành
- Biên tập kênh hình
- Thống nhất phiên âm
- Chuyên chú
- Thống nhất tên địa danh + tên các dân tộc Việt Nam
- Cân đối các mục từ về tổ chức của thế giới và của Việt Nam và các nhân vật lịch sử
- Biên tập tổng hợp

Sau đây xin nói về những nội dung biên tập đối với các công đoạn cụ thể của *Từ điển bách khoa Việt Nam*:

* Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam.

1. Biên tập liên ngành

Liên ngành là các mục từ của các ngành có chung với nhau về thuật ngữ, trùng nhau về khái niệm và có liên quan với nhau về một phạm trù nào đó. Trong *Từ điển bách khoa Việt Nam* có những liên ngành ví dụ như: nhóm ngành (Nông nghiệp, Sinh học, Y học); nhóm ngành (Toán học, Cơ học, Tin học); nhóm ngành (Điện, Điện tử, Tin học, Cơ khí); nhóm (Cơ học, Địa chất, Vật lý, Điện tử); nhóm Địa lý, Địa chất, v.v..

Sau đây là các công đoạn biên tập liên ngành:

Tìm mục từ trùng nhau: Trong khi biên soạn, các ngành thường có những thuật ngữ trùng nhau kể cả đầu mục từ và trong nội dung mục từ. Nếu trùng đầu mục từ mà có nội dung giống nhau thì có thể gộp lại và lấy ngành nào là chính thì để làm mục từ gốc, các mục từ sau đó có thể chia số thứ tự, ví dụ: đối với mục từ AMPE (ĐƠN VỊ) (1.vật lý, 2.điện), khi định nghĩa, lấy ngành khoa học cơ bản là nội dung chính, sau đó sẽ bổ sung những nét cơ bản của các ngành khoa học ứng dụng sau. Ở đây, ngành vật lý là ngành khoa học cơ bản, mục từ Ampe sẽ lấy nội dung của ngành vật lý là chính.

Nếu trùng nội dung, có thể ghép các mục từ với nhau theo cấu trúc hợp lý nhất và lấy mục từ nào viết đạt nhất để chọn. Nếu trùng về thuật ngữ, có thể chọn thuật ngữ chính của ngành khoa học cơ bản, ví dụ: ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC và ĐƯỜNG ĐỒNG MỰC (nghĩa của mục từ giống nhau) của các liên ngành xây dựng, thủy lợi, địa lý đều sử dụng, khi chọn thuật ngữ, nên chọn thuật ngữ của ngành Địa lý là ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC vì Địa lý là ngành khoa học cơ bản. Mục từ THAN CHÌ (Hoá học) và GRAPHIT (Địa chất), than chì là cách gọi khác của graphit, vậy khi sắp xếp đầu mục từ, sẽ để THAN CHÌ (còn gọi. Graphit), và trong toàn bộ nội dung của 4 tập *Từ điển bách khoa Việt Nam* phải sử dụng thuật ngữ “Than chì” (theo ngành hoá học cơ bản), nếu các ngành khác quen dùng thuật ngữ graphit thì có thể cho thêm trong ngoặc đơn tên gọi khác hoặc còn gọi. Cũng tương tự như vậy, trong các nhóm liên ngành như Nông nghiệp, Sinh học thì lấy ngành Sinh học làm chuẩn; nhóm ngành Khoa học xã hội như Luật, An ninh, Quân sự, lấy thuật ngữ của ngành Luật làm chuẩn.

Sắp xếp đầu mục từ: Các đầu mục từ chủ yếu sắp xếp theo trật tự thuận các thành tố cấu tạo đầu mục từ, phù hợp với đặc điểm ngữ pháp tiếng Việt. Tra cứu mục từ dựa theo thứ tự bảng chữ cái và thanh của tiếng Việt (vd. Achentina, Bạch Đằng); các đầu mục từ về định lý, tiên đề thuộc các ngành khoa học tự nhiên gắn với tên các nhà khoa học thì tra cứu theo chữ cái thành tố đảo tiếp sau mục từ mang tên nhà khoa học đó, ví dụ: ACSIMET (nhà khoa học); ACSIMET (ĐỊNH LUẬT); ACSIMET (TIÊN ĐỀ).

Các cụm từ chỉ địa danh như biển, sông, hồ, tỉnh, thành phố, sắp xếp theo vần tên gọi, còn từ chỉ loại hình địa danh được chuyển vào phần nội dung HOÀN KIẾM (hồ), LÀO (quốc gia). Trường hợp địa danh là một từ đơn tiết phải đi cùng với danh từ chung chỉ loại hình đi kèm trước nó tạo thành một chỉnh thể như HỒ TÂY, SÔNG HỒNG, v.v..

2. Biên tập kênh hình

Tranh ảnh minh họa và phụ bản khác tạo thành một kênh thông tin đặc biệt – kênh hình – có quan hệ chặt chẽ và bổ sung những thông tin có ý nghĩa và giá trị. Bản thân kênh hình có tính tri thức, qua đó, chứa các thông tin phản ánh nội dung sự vật. Đối với

Từ điển bách khoa Việt Nam, kênh hình là phần phụ bổ sung cho kênh chữ, giúp hiểu kỹ hơn nội dung kênh chữ. Khi biên tập cũng phải thống nhất kiểu chữ chú thích và phải khớp với kênh chữ. Khi có hình ảnh hoặc biểu đồ minh họa cho đầu mục từ, phải cùng vị trí trên trang giấy hoặc số thứ tự giải thích phải khớp với phần chú thích trên hình, ví dụ trong mục từ MÈO, có 12 hình con mèo để minh họa và đánh số thứ tự từ 1 đến 12 và có những lời chú thích kèm theo, vì thế người biên tập cần hết sức chú ý khi biên tập và cần thận khi chú thích để khỏi bị hiểu nhầm.

Bản đồ trong *Từ điển bách khoa Việt Nam* bao gồm một số bản đồ của các châu lục và một số nước trên thế giới, bản đồ nước Việt Nam và bản đồ chính trị các tỉnh, thành của Việt Nam. Công việc này là để thay thế cho việc giải thích các mục từ hoặc minh họa các nội dung.

Biên tập bản đồ là khâu quan trọng nhất trong quá trình làm kênh hình. Ban biên tập kênh hình đều phải tự làm với Cục Đo đạc bản đồ nhà nước, từ khâu phiên âm tên nước ngoài, phiên âm tên dân tộc đều phải thống nhất với kênh chữ, đặc biệt không được bỏ sót tất cả các đảo, quần đảo cho dù nhỏ nhất thuộc chủ quyền của các quốc gia, dân tộc.

Khi đưa hình ảnh các lãnh tụ, các vị nguyên thủ quốc gia phải đúng cỡ ảnh hoặc đen trắng hoặc ảnh màu cũng phải thống nhất, v.v.

3. Thống nhất phiên âm

Phiên âm tên riêng nước ngoài bằng các âm, âm tiết tiếng Việt dựa trên cách đọc trực tiếp của nguyên ngữ có thể biết được, chú thích nguyên dạng tên gốc đặt giữa hai ngoặc đơn, ví dụ: Sêcxpia (A. Shakespeare).

Đối với các ngôn ngữ không dùng bảng chữ cái Latinh như tiếng Ấn Độ, Ảrập, Nhật Bản, nếu chưa phiên trực tiếp được thì tạm thời phiên âm qua ngôn ngữ trung gian, phiên qua tiếng Pháp, tiếng Anh, chủ yếu qua tiếng Anh (chú thích ngôn ngữ trung gian phiên âm các ngôn ngữ đó). Đối với tiếng Hán (Trung Quốc) phiên theo âm Hán - Việt và chú thích trong ngoặc đơn dạng chuyển tự sang tiếng Latinh. Trường hợp không thể xác định được chữ Hán gốc hoặc nguyên ngữ là tiếng dân tộc thiểu số Trung Quốc thì phiên theo chuyển tự bằng tiếng Latinh do Trung Quốc quy định (Tp Urumxi). Một số tên nước ngoài có dạng viết quá quen thuộc trong tiếng Việt thì tạm thời không sửa lại (Anh, Pháp, Đức). Có trường hợp dùng cả hai dạng: trực Đức - Ý - Nhật.

Cấu tạo các tổ hợp 2 hoặc 3 phụ âm ở đầu từ hoặc giữa từ để phiên âm tiếng nước ngoài (bl, br, tb: Blâyơ Uyliom (A. Blake William). Chọn các âm tiết tiếng Việt sát với nguyên mẫu tiếng nước ngoài (Vecđoong, Ph. Verdun).

Thêm vào bảng chữ cái tiếng Việt vần f, F (ph), j, J (gi). z, Z (d) để ghi âm tương ứng như Flôbe (Ph.Flaubert).

Ngoài những quy định chính tả, viết tắt dùng trong *Từ điển bách khoa Việt Nam* như: bảng chữ cái tiếng Việt gồm các con chữ sắp xếp theo thứ tự, các con chữ F, J, W, Z; cách viết các âm tiếng Việt theo đúng cách viết chính tả hiện hành, dựa theo *Từ điển chính tả tiếng Việt* – Nhà xuất bản Giáo dục; dùng i thay cho Y ở cuối âm tiết mở (Mĩ, lý

thuyết, kỳ quặc...). Trừ các âm tiết uy, các trường hợp sau vần qu (quy định, quy chế) hoặc Y đứng một mình (y tế, y phục...).

4. Chuyển chú

Hệ thống chuyển chú nhằm liên kết các tri thức phân tán trong toàn bộ sách, giúp độc giả hệ thống hoá các tri thức thông qua các ký hiệu chuyển chú.

Chuyển chú trong nội dung mục từ: Trong một số trường hợp, để phản ánh nội dung một mục từ, người ta sử dụng một/một số từ (mà chúng là tên gọi của mục từ khác). Khi đó, để có được những thông tin một cách đầy đủ về mục từ hiện tại, người đọc sẽ tìm hiểu nội dung các mục từ được sử dụng để giải thích cho mục từ đó và mục từ này được thể hiện dưới một hình thức khác, thường được là in nghiêng (dạng italic). Ví dụ “ĐỐI LẬP – phạm trù biểu hiện một trong những mặt của *mâu thuẫn*...”

Khi biên tập, luôn phải để ý xem mục từ chuyển chú có được viết không, có nội dung được phản ánh không. Người biên tập phải có một bản thống kê các mục được chuyển chú để đưa cho các tác giả soạn thảo. Ví dụ khi có mục IIB(A. International Investment Bank) x. *Ngân hàng đầu tư quốc tế*. Một mục từ ở tập 2 mà lại xem chuyển chú ở tập 3, mà thời gian xuất bản lại cách xa nhau nên biên tập phải hết sức thận trọng tránh bỏ sót.

Chuyển chú tham khảo: bổ sung **xem thêm** (xt.). Giữa các mục từ luôn luôn tồn tại nhiều mối quan hệ phức tạp với nhau. Trong số đó, có một số mục từ mà nội dung của nó có quan hệ trực tiếp với nhau, bổ sung cho nhau. Người đọc thường phải tham khảo và tra cứu đến một số mục từ khác. Từ nhu cầu đó, đã xuất hiện chuyển chú bổ sung kiểu **xem thêm**, ví dụ CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á xt. CÁC NƯỚC ASEAN. Trong quá trình biên tập phải hết sức lưu ý vấn đề này.

Chuyển chú trực tiếp: nhằm chỉ dẫn cho người đọc tìm hiểu một nội dung thông tin của mục từ hiện tại tại một vị trí của mục từ khác. Đây là trường hợp rất phổ biến. Một nội dung thông tin cụ thể có thể được phản ánh bởi một số từ/cụm từ khác nhau. Nhiệm vụ của người biên tập là không được để thất lạc thông tin, phải đảm bảo độ tin cậy thông tin của từ điển để trợ giúp người đọc. Đây cũng là trường hợp mà biên tập viên cần hết sức phải lưu ý trong khi biên tập mục từ chuyển chú.

5. Thống nhất cách ghi địa danh, tên các dân tộc Việt Nam

Trong *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tên các dân tộc được viết rất nhiều ở các ngành như Dân tộc khảo cổ, Lịch sử, Văn học, Địa chất, Địa lí, An ninh, v.v..

Khi biên soạn, mỗi ngành có những kiểu viết khác nhau, thường không thống nhất và không dựa vào Bản tiêu chuẩn của Nhà nước quy định cách viết. Vì vậy, nhiệm vụ của biên tập viên là thống nhất được cách viết, cách đọc suốt từ tập 1 đến tập 4. Cách viết thống nhất phải dựa vào quy định của Việt Nam nếu là tên dân tộc Việt Nam, nếu là tên địa danh của thế giới lại phải dựa vào quy định phổ biến của thế giới. Ví dụ. Thống nhất viết ĐẮC LẮC hay ĐẮKLẮC, KONTUM hay KON TUM, MƠNÔNG hay MỠ NÔNG, v.v..

6. Cân đối các mục từ về tổ chức, các nhân vật lịch sử của thế giới và Việt Nam

Mục từ - tên gọi các tổ chức, cơ quan, bao gồm tên của các tổ chức, cơ quan tiêu biểu, bao gồm các cơ quan đảng, nhà nước, địa phương, trường học, các nhà máy, các tổ chức đoàn thể, hiệp hội quốc tế, nhà xuất bản, tạp chí, các hãng thông tấn, ngân hàng, hãng phát thanh truyền hình trong nước và quốc tế, v.v.. Khi biên tập phải cân đối số lượng chữ, cách viết tắt, viết hoa, lựa chọn nên đưa các tổ chức nào là quan trọng nhất và cũng xem xét kỹ phần chuyển chú của các mục từ tổ chức khi viết tắt, ví dụ UN x. LIÊN HỢP QUỐC; LIÊN MINH CHÂU ÂU x. LIÊN HIỆP CHÂU ÂU.

Trong các mục từ về tổ chức cũng có những ngành viết trùng nhau, nên cũng phải lựa chọn ngành nào là cơ bản nhất, viết hay nhất và chính xác nhất. Ví dụ mục TỔ CHỨC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ (ISO) có các ngành như Toán học, Cơ khí, Nông nghiệp cùng biên soạn, việc chọn lựa bài viết phải dựa vào ngành chính là “Tiêu chuẩn hoá đo lường chất lượng” để đưa vào mục từ chính, đồng thời trưởng ban biên soạn của ngành này là người chịu trách nhiệm đọc lại và sửa chữa nội dung.

Mục từ danh nhân và nhân vật, là mục từ chỉ các danh nhân và một số nhân vật trong ngành Văn hoá, khoa học, Nghệ thuật. Các danh nhân được giới thiệu trong các mục từ riêng. Còn phần lớn các nhân vật sẽ được kết hợp trong các mục từ khác.

Khi đưa các nhân vật lịch sử thì trong quá trình biên tập phải xem xét khách quan, không đánh giá, không dùng những từ quá to tát để miêu tả những nhân vật phản diện...

7. Biên tập tổng hợp

Biên tập viên phải đọc tất cả 40 ngành trong *Từ điển bách khoa Việt Nam*, sau khi đã được gộp các ngành lại với nhau. Công việc này bao gồm các công đoạn sau: kiểm tra, rà soát lại bảng từ tổng hợp của các chuyên ngành:

- Xem mục từ nào còn thiếu so với số lượng đã được duyệt
- Kiểm tra thứ tự sắp xếp theo vần có chuẩn không
- Kiểm tra các mục từ trùng hoặc thừa do các tên gọi khác mà đã nằm trong nội dung của nhau, ví dụ: đã có mục NĂM THUYẾT VĂN lại còn có mục NĂM NHIỀU NƯỚC, NĂM ÍT NƯỚC (Năm nhiều nước và năm ít nước đều có nội dung ở trong mục năm thuyết văn).
- Đề nghị viết các mục từ bổ sung do quá trình phát sinh các ngành mới, các thuật ngữ, số các quốc gia chia tách, sát nhập. Chẳng hạn ở Việt Nam thường chia tách các tỉnh, thành, huyện; ở thế giới thêm nước Đôngtimo, v.v.

a) Biên tập nội dung bao gồm:

- Tên riêng: kiểm tra nguyên ngữ chuẩn, chuẩn phiên âm tiếng Việt theo phiên âm quốc tế hoặc theo tên đã quen dùng của tất cả các ngành.
- Số liệu: Số liệu cần theo niên giám thống kê gần nhất (sản lượng nông công nghiệp, dân số...); đối với thế giới, nên lấy số liệu ở các cuốn từ điển bách khoa có năm xuất bản gần nhất, chuẩn xác nhất.

- Biên tập ngôn ngữ kỹ thuật: thống nhất cấu trúc mục từ của từng ngành; chính tả (viết hoa tên các tổ chức, viết tắt); văn phong từ điển (cắt bỏ những câu rườm rà, câu thể hiện quá nhiều tình thái, v.v.).

b) Biên tập tranh ảnh bản đồ: thống nhất các kích thước cho bản đồ các tỉnh; chân dung các nhân vật (đen trắng, hay màu); chú thích hình minh hoạ (gồm phiên âm, vị trí, chính tả); phụ bản màu (theo đúng tiêu đề của tên mục từ).

c) Kiểm tra các đơn vị đo lường quốc tế; kiểm tra chân trang và cuối trang; kiểm tra mục lục, số trang.

d) Tổng duyệt: chuyển tất cả những sửa chữa phía trên cho các trưởng ban chuyên ngành. Các trưởng ban phải đọc từ a-z và cho ý kiến đóng góp, sau đó chuyển cho biên tập viên chỉnh lại theo ý kiến của trưởng ban; Ban thường trực đọc duyệt lần cuối và ký vào từng trang hoặc từng mục từ.

Tóm lại, để tổ chức biên tập tổng hợp, qua kinh nghiệm 4 tập *Từ điển bách khoa Việt Nam*, thường phân ra các nhóm (phiên âm, chính tả, nội dung, hình minh hoạ, chuyển chú...)

Riêng ngành Địa lý Việt Nam và Địa lý thế giới tách riêng vì ngành này có nhiều tranh ảnh và bản đồ chiếm tỷ lệ khá lớn và hay tách, nhập, đổi tên các tỉnh, thành.

3. Sơ bộ đánh giá phần biên tập đối với *Từ điển bách khoa Việt Nam* 4 tập

3.1. Những ưu điểm và thành công

- Ban biên tập được thành lập, sau là các ban biên soạn và các ban biên soạn, biên tập chuyên ngành. Tổ chức biên soạn nói chung đã chọn và giao phó cho những nhà khoa học, văn hoá, quản lý thuộc loại đầu ngành và có trách nhiệm. Các ban biên soạn chuyên ngành đã tập hợp được nhiều nhà khoa học, văn hoá có năng lực.

- Những biên tập viên các chuyên ngành hết sức cần mẫn, chuyên nghiệp, có trách nhiệm cao như bổ sung, cập nhật nội dung mới, biên soạn, biên tập lại những mục từ bị thất lạc.

- Việc xây dựng Thể lệ biên soạn và biên tập là một công đoạn hết sức quan trọng. Đây là hệ thống những nguyên tắc và quy định cụ thể bảo đảm sự nhất quán trong yêu cầu về nội dung và cách thức biên tập công trình. Từ thể lệ biên soạn, biên tập năm 1989 đến năm 1998, một số nguyên tắc về chính tả, phiên chuyển tiếng nước ngoài và chuyển chú được bổ sung. Việc ban hành thể lệ biên soạn, biên tập là bước đi đúng quy trình biên tập và tạo nên cơ sở bảo đảm tính khoa học. Việc chuẩn hoá tiếng Việt và thuật ngữ các ngành khoa học là công việc cần tiếp tục trong các công trình bách khoa sau này.

- Một đặc điểm lớn là Ban biên soạn gồm các nhà khoa học không chuyên trách, nên vai trò của các thư ký khoa học và các biên tập viên là rất quan trọng, đã hỗ trợ có hiệu quả cao cho công việc biên soạn và hoàn chỉnh bản thảo.

3.2. Một số vấn đề đặt ra qua biên tập *Từ điển bách khoa Việt Nam*

- Việc xây dựng bảng cấu trúc phân loại mục từ chưa được quan tâm ngay từ đầu, dẫn đến tính thiếu đồng bộ, thiếu tính hệ thống của tập hợp các mục từ trong một số ngành, lĩnh vực; số lượng mục từ nhiều và ở mức quá chi tiết trong khi ở một số ngành khác, số lượng mục từ còn chưa đủ.

- Trong thời gian xây dựng bảng mục từ, đã thành lập các ban biên soạn liên ngành nhằm giải quyết một cách cân đối và khoa học những mối quan hệ liên ngành, nhằm bảo tính nhất quán trong một công trình khoa học mang tính đa ngành và liên ngành cao như *Từ điển bách khoa Việt Nam*. Nhưng đến giai đoạn điều chỉnh Tập 1, vì các ban biên soạn liên ngành bị giải thể, nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc lựa chọn và phân công biên soạn các mục từ. Rất nhiều mục từ do các ban biên soạn chuyên ngành viết có nội dung liên quan đến chuyên ngành khác hay những mục từ trùng lặp của các chuyên ngành, tuy nhiên đã không xử lý nhất quán, tính mất cân đối của các mục từ theo hệ thống ngành, chuyên ngành, v.v.

4. Kết luận

Như đã nhấn mạnh, sự nghiệp bách khoa thư của nước ta trong thời kỳ phát triển. Các vấn đề về lý luận biên tập đã được hệ thống hoá trong bài viết. Từ đó góp phần khẳng định sự cần thiết và vai trò quan trọng trong công việc biên tập từ điển bách khoa, thúc đẩy sự phát triển của sự nghiệp phát triển từ điển bách khoa nói riêng và bách khoa thư nói chung.

Biên tập từ điển bách khoa và bách khoa thư là một công việc rất khó khăn và phức tạp, còn nhiều vấn đề cần phải giải quyết và xử lý khi mà chúng ta chuẩn bị biên soạn những bộ bách khoa thư tương đối lớn sau này.

Qua đây, chúng tôi cũng xin đề xuất các ý kiến của mình như sau:

- Khi biên soạn những bộ từ điển bách khoa sau này cần tổ chức chặt chẽ từ khâu chọn lựa bảng cấu trúc phân loại mục từ đến khâu viết nội dung.

- Kết hợp chặt chẽ các liên ngành có liên quan với nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Học Trạc, *Lịch sử - Lý luận và thực tiễn biên soạn bách khoa toàn thư*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2004.
2. *Từ điển bách khoa Việt Nam*: trọn bộ 4 tập (1995 -2005), NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
3. *Luật Xuất bản*, Cục xuất bản, Hà Nội, 2004.
4. *Bách khoa thư Hà Nội*, NXB Từ điển Bách khoa, 1999.